

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 272/2024/DS-ST  
Ngày: 02-8-2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thơm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Bé Ba.

Ông Đoàn Thanh Phong.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị P (Tên thường gọi: Phạm Thị Hoàng Y), sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị P trình bày:*

Do quen biết nên bà Phước có cho bà Huỳnh Thị H vay số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), trong 03 lần, cụ thể như sau:

Ngày 10/10/2021, bà H vay số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Ngày 24/10/2021, bà H vay số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Ngày 12/12/2021, bà H vay số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Mỗi lần vay tiền, bà H đều viết biên nhận ghi rõ thông tin số tiền và ký tên đầy đủ, rõ ràng vào biên nhận cho bà Phước. Khi vay tiền, mặc dù trong biên nhận không thể hiện lãi suất, nhưng hai bên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng. Mặc dù vậy, bà H không trả lãi đầy đủ, chỉ trả được cho bà Phước tổng cộng 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) tiền lãi và không thực hiện trong suốt thời gian vay đến nay. Bên cạnh đó, hai bên còn thỏa thuận khi cần tiền bà Phước sẽ thông báo cho bà H 01 tháng để bà H chuẩn bị. Tuy nhiên, khi bà Phước yêu cầu thì bà H hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện. Do đó, bà Phước khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bà Phước không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Huỳnh Thị H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chưa gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phước.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Phước giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà H vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy bị đơn bà Huỳnh Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị P: Bà Phước yêu cầu bà Huỳnh Thị H phải trả cho bà số tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Phước đã giao nộp bản chính 03 văn bản đều có tiêu đề "*Biên nhận*" ghi thời gian và số tiền giao dịch lần lượt như sau: Ngày 10/10/2021 số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), ngày 24/10/2021 số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), ngày 12/12/2021 số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Tổng số tiền giao dịch là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Thông tin trong cả 03 văn bản đều thể hiện người tên "*Huỳnh Thị H*" mượn tiền của bà Phạm Thị Hoàng Y và bà Phạm Thị P, trong đó Phạm Thị Hoàng Y là tên thường gọi của bà Phạm Thị P. Cuối văn bản đều có chữ ký, chữ viết mang tên "*Huỳnh Thị H*".

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H vẫn cố tình vắng mặt không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó. Nếu bà H không thừa nhận số nợ trên thì phải có nghĩa vụ chứng minh. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, bà H vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, không thể hiện ý chí phản đối chứng cứ và tài liệu mà bà Phước cung cấp thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà H với bà Phước là có thật và bà H phải có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ, Bà P1 yêu cầu bà H trả số tiền nợ là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Bà Phước trình bày, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, tương đương 120%/năm, đồng thời bà H trả được 20.000.000 đồng tiền lãi. Xét thấy lãi suất các bên thỏa thuận cao hơn mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là không quá 20%/ năm. Số tiền lãi 20.000.000 đồng bà H đã thanh toán tương đương 10% của số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng. Thời điểm vay khoản tiền cuối cùng giữa hai bên vào ngày 12/12/2021 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 02/8/2024 là 02 năm 07 tháng 21 ngày. Như vậy, mặc dù lãi suất hai bên thỏa thuận không phù hợp nhưng bà H không trả lãi trong suốt thời gian vay, số tiền lãi đã thanh toán không vượt quá phạm vi mức lãi suất quy định, đồng thời bà Phước không yêu cầu tính lãi, bà H không phản đối lời trình bày của bà Phước nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Bà H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chưa thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà Phước. Tuy nhiên, việc bà H chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền là bà Phước. Do đó, bà Phước yêu cầu bà H thực hiện việc thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 278 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Phước được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí bà H phải nộp được xác định như sau:

200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 278, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Phước

Buộc bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị P số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Bà Phạm Thị P đã được miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại.

Bà Huỳnh Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thơm**